

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hòa

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Chính
Bà Đoàn Thị Thùy Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1057/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hà N, sinh năm 1989 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 19, khu vực 3, phường N, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà N trình bày: Chị và anh B kết hôn ngày 27/4/2015 tại UBND thị trấn N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân từ năm 2016, anh B bắt đầu làm quản lý bên Công ty F nên ít khi về nhà. Chị có tìm hiểu thì biết anh B có

quan hệ với người phụ nữ khác, chị khuyên anh B thay đổi thì anh B không nghe còn đánh đập và dùng những lời nói xúc phạm đến chị. Về kinh tế gia đình: Từ khi kết hôn cho đến nay đã được 5 năm, thu nhập của anh B ổn định nhưng anh B không đưa tiền để chị lo cho gia đình và nuôi con nhỏ. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được bố mẹ chị khuyên can, hòa giải nhưng vẫn không thay đổi. Tháng 9/2020, chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng chị cũng muốn cho anh B cơ hội để sửa chữa bản thân, muốn gia đình đoàn tụ nên đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay anh B vẫn không thay đổi, cụ thể từ tháng 11 năm 2020 đến nay anh B và chị đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh B không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 26/11/2015, sức khỏe bình thường, hiện cháu đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 03/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Thái B trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do áp lực công việc nên anh thường xuyên vắng nhà, tính anh ít thể hiện tình cảm ra bên ngoài nên giữa anh và chị N không gần gũi tâm sự. Chị N hay ghen tuông, nghi ngờ anh ngoại tình, chính bản thân anh cũng nghi ngờ sự chung thủy của vợ nên giữa hai vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến việc không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra mâu thuẫn. Hơn nữa, chị N có suy nghĩ chưa chín chắn trong mọi vấn đề. Về kinh tế gia đình, anh cũng thừa nhận, vì chị N tự lo kinh tế cho gia đình được nên anh không đưa tiền lương và các khoản thu nhập khác cho vợ, mà cứ lấy tiền đó để xoay vòng, làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt nhất từ tháng 10/2020 đến nay. Anh đã dọn ra ngoài sống từ tháng 11/2020 cho đến nay. Nhưng việc chị N đưa đơn ly hôn, anh không đồng ý.

Thống nhất lời trình bày của chị N về con chung. Nếu phải ly hôn anh thống nhất giao cháu Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 26/11/2015 cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: giao cháu Nguyễn Ngọc Hải A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Bình vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B kết hôn ngày 27/04/2015 tại UBND phường N, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo chị N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình hai người không hợp nhau, không cảm thông và chia sẻ nhau trong cuộc sống, về kinh tế gia đình anh B không đóng góp những khoản chi tiêu trong gia đình nên chị phải tự lo cho bản thân và con chung, chị có khuyên nhủ thì anh B có những hành động và lời nói không đúng mực, anh B đã dọn ra ngoài sống nên vợ chồng ly thân từ tháng 11/2020 đến nay, giữa anh và chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Anh B thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do cả hai không tin tưởng nhau, ngoài ra do áp lực công việc nên anh có thiếu quan tâm, chăm sóc chị N, về kinh tế gia đình anh không đóng góp vì anh nghĩ chị N đủ khả năng để lo kinh tế gia đình. Chị N hay ghen tuông nên vợ chồng hay cãi nhau, cả hai đã có những lời nói hành động làm tổn thương nhau vì vậy anh đã dọn ra ngoài sống nên vợ chồng đã ly thân nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã cố gắng hoà giải, động viên nhằm hàn gắn hạnh phúc cho chị N, anh B nhưng không thành. Anh B xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp khắc phục tình trạng hôn nhân hiện tại. Mặt khác, anh B cũng thừa nhận vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn và không tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của các bên thì giữa chị N và anh B đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh B mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N và anh B có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 26/11/2015. Nếu ly hôn anh chị cùng thống nhất giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Sự thoả thuận của

đương sự là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Hà N được ly hôn anh Nguyễn Thái B.

2. **Về nuôi con chung:** Giao cháu Nguyễn Ngọc Hải A, sinh ngày 26/11/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Chị N và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003081 ngày 19/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa

